

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện năm 2024 và đề xuất kế hoạch năm 2025 thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 4827/BNN-KTHT ngày 08/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thực hiện năm 2024 và đề xuất kế hoạch năm 2025 thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Trên cơ sở rà soát báo cáo kết quả thực hiện của các địa phương, đơn vị và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3087/SNNPTNT-KHTC ngày 12/7/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện năm 2024 và đề xuất kế hoạch năm 2025 thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình:

Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành **các văn bản¹** làm cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức, quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng một cách đồng bộ, thống nhất; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan chủ quản thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành

¹ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh về việc giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 21/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững từ nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh; Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024;

triển khai thực hiện; các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án căn cứ các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, tỉnh đã hướng dẫn cho các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Chương trình năm 2024. Như vậy, công tác triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo để các địa phương, đơn vị thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (Cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3) đã ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Chi cục Phát triển nông thôn là đơn vị được giao nhiệm vụ đã thành lập Đoàn giám sát tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu và hướng dẫn thực hiện chương trình đến các đơn vị, địa phương, giải quyết các yêu cầu của nhân dân về hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm xoá đói, giảm nghèo.

II. KẾT QUẢ PHÂN BỐ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 – DỰ ÁN 3

1. Ngân sách Trung ương:

1.1. Kết quả phân bổ Tiểu dự án 1 – Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Tổng kinh phí **22.104 triệu đồng**;

1.2. Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm:

Đến thời điểm hiện tại, các địa phương, đơn vị được giao dự toán đang khảo sát, lựa chọn các hộ có đủ điều kiện tham gia để triển khai xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Khả năng thực hiện 9 tháng tỷ lệ giải ngân đạt 50% kế hoạch, ước thực hiện cả năm đạt 100% kế hoạch.

2. Ngân sách địa phương:

2.1. Kết quả phân bổ Tiểu dự án 1 - Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Tổng kinh phí **3.315 triệu đồng**;

2.2. Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm:

Đến thời điểm hiện tại, các địa phương, đơn vị được giao dự toán đang khảo sát, lựa chọn các hộ có đủ điều kiện tham gia để triển khai xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Khả năng thực hiện 9 tháng tỷ lệ giải ngân đạt 50% kế hoạch, ước thực hiện cả năm đạt 100% kế hoạch.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 108/QH15, Nghị quyết số

111/2024/QG15 của Quốc hội

1.1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15 của Quốc hội:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện, trong đó đề nghị UBMTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác vận động nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động người dân và đoàn viên, hội viên trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình. Phát huy tốt vai trò MTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh trong công tác giảm nghèo bền vững của tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Để tăng cường chỉ đạo của Đảng trong công tác giảm nghèo, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 06/12/2023 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện miền núi; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo ở các huyện miền núi của tỉnh. Từ đó, huy động cả hệ thống chính vào cuộc thực hiện công tác giảm nghèo ở các huyện miền núi.

1.2. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

- Qua rà soát, đánh giá chương trình và đề xuất của các địa phương, đơn vị, tỉnh Quảng Ngãi không có huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 2024-2025.

- Hiện nay, tỉnh đang rà soát tình hình thực hiện và nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn của các địa phương, đơn vị để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất². Hiện nay, đang triển khai thực hiện hoạt động phát triển sản theo đúng quy định của HĐND tỉnh. Do đó, UBND tỉnh không thực hiện nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất đã được HĐND tỉnh ban hành.

- Các nội dung còn lại của Nghị quyết tỉnh đang tổ chức triển khai thực hiện.

2. Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan

² Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trích tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng thực hiện cotic hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc cotic chương trình MTQG tròn địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dõntỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trích tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện cotic hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện cotic Chương trõnh mục tiõu quốc gia tròn địa bàn tỉnh Quảng Ngói.

thanh tra liên quan trong thực hiện Chương trình:

Hiện tại, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang thanh tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, đến nay chưa có kết luận.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã tạo điều kiện cho 1.256 hộ gia đình tham gia thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất bước đầu đã đem lại kết quả đạt được về các chỉ số giải quyết việc làm và góp phần tăng thu nhập cho người dân tại các địa phương trong phạm vi hỗ trợ của Tiểu dự án 1 - Dự án 3. Thu nhập bình quân của hộ tham gia đối với dự án hỗ trợ chăn nuôi bình quân trên 14 triệu đồng/hộ/năm.

- Người dân được trang bị các kiến thức về nuôi gia cầm và biết làm chuồng trại và đa số thực hiện nuôi nhốt đúng qui trình. Các hộ dân đã tiếp cận thông tin và kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (*lập kế hoạch sản xuất, chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh*) và hộ có thể trao đổi thông tin về chế độ dinh dưỡng tại hộ, giúp người dân nắm bắt về cách bảo quản chế biến lương thực thực phẩm, sử dụng khẩu phần đảm bảo dinh dưỡng, tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em.

- Nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm tham gia liên kết, cũng như giữ vững ổn định trong hoạt động sản xuất của các bên tham gia liên kết với mục tiêu cải thiện thu nhập góp phần giúp đối tượng thoát nghèo; giải quyết việc làm cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, để vươn lên thoát nghèo. Từng bước hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm, tạo điều kiện để người dân an tâm phát triển sản xuất.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 – DỰ ÁN 3

Tổng số mô hình/ dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp 44 dự án, trong đó:

1. Dự án trồng trọt: Hỗ trợ cây giống: 01 dự án (hỗ trợ trồng hành tím); 165 hộ thụ hưởng (08 hộ chính sách, 12 hộ nghèo, 08 hộ cận nghèo, 137 hộ mới thoát nghèo).

2. Dự án chăn nuôi:

a) Hỗ trợ con giống: Hỗ trợ giống bò cái lai sinh sản, lợn nái, trâu: 31 dự án; số hộ thụ hưởng: 366 hộ (197 hộ nghèo, 74 hộ cận nghèo, 95 hộ mới thoát nghèo).

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (chăn nuôi bò cái sinh sản): 04 dự án; số hộ thụ hưởng 50 hộ (35 hộ nghèo, 12 hộ cận nghèo, 3 hộ mới thoát nghèo).

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (chăn nuôi bò cái sinh sản): 05 dự án; số hộ tham gia liên kết 370 (209 hộ nghèo, 140 hộ cận nghèo, 21 hộ mới thoát nghèo; 192 hộ đồng bào DTTS).

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (cung cấp bò cái lai sinh sản): 02 dự án; số hộ thụ hưởng 29 (06 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo, 07 hộ mới thoát nghèo).

3. Khai thác ngư nghiệp:

Hỗ trợ ngư lưới cụ đánh bắt hải sản: 01 dự án; số hộ thụ hưởng 19 (04 hộ nghèo, 14 hộ cận nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo); hỗ trợ 01 dự án diêm nghiệp trong đó hỗ trợ cho 50 hộ Diêm dân thuộc đối tượng tham gia (19 hộ nghèo, 24 hộ cận nghèo, 7 hộ mới thoát nghèo trong đó có 28 nữ).

4. Xây dựng dự án hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bảo đảm đủ dinh dưỡng tại thôn Môn, xã Trà Thanh, đã lựa chọn, lập danh sách 30 hộ có đủ điều kiện tham gia dự án.

5. Hỗ trợ 03 lớp tập huấn, gồm: 01 lớp kỹ thuật; 01 lớp dinh dưỡng; 01 lớp tổ hợp tác.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được:

- Đối với nội dung hỗ trợ thông qua các Dự án/ mô hình “chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản” thuộc tiêu dự án 1 – Dự án 3 được đánh giá cao vì có ý nghĩa rất to lớn đối với các hộ nghèo. Đây vừa là tài sản, vừa là tư liệu sản xuất để các hộ nghèo phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, đồng thời là nguồn động viên lớn về mặt tinh thần, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và cộng đồng đối với các hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Đối với các dự án hỗ trợ liên kết: Từng bước giúp đối tượng tham gia dự án nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm tham gia liên kết, cũng như giữ vững ổn định trong hoạt động sản xuất của các bên tham gia liên kết với

mục tiêu cải thiện thu nhập góp phần giúp đối tượng thoát nghèo; giải quyết việc làm cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, để vươn lên thoát nghèo. Từng bước hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm, tạo điều kiện để người dân an tâm phát triển sản xuất.

- Người dân được trang bị các kiến thức về nuôi gia cầm và biết làm chuồng trại và đa số thực hiện nuôi nhốt đúng qui trình. Các hộ dân đã tiếp cận thông tin và kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (*lập kế hoạch sản xuất, chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh*) và hộ có thể trao đổi thông tin về chế độ dinh dưỡng tại hộ, giúp người dân nắm bắt về cách bảo quản chế biến lương thực thực phẩm, sử dụng khẩu phần đảm bảo dinh dưỡng, tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em.

Nhìn chung, nội dung hỗ trợ của Tiêu dự án 1 – Dự án 3 là phù hợp với tập quán sản xuất của hộ gia đình ở miền núi; tạo động lực đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững. Các mô hình hỗ trợ chăn nuôi bước đầu đã đem lại hiệu quả nhất định thể hiện qua việc con giống bắt đầu sinh sản.

2. Những hạn chế và nguyên nhân:

- Tại Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, đối tượng thụ hưởng của chương trình được quy định tại tại điểm 2, mục II của Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ là: “Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo)…”. Tuy nhiên, tại điểm c, khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định: “Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận”. Vì vậy hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi khi tham gia nhóm Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng sẽ không thuộc đối tượng thụ hưởng của chương trình do đó sẽ không được hưởng lợi từ Dự án về cây, con giống... vì vậy sẽ không muốn tham gia vào nhóm cộng đồng để thực hiện dự án.

- Tâm lý của đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo còn ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên không muốn tham gia lớp đào tạo nghề.

- Việc quy định tỷ lệ góp vốn đối ứng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo nên khó khăn trong việc lựa chọn đối tượng tham gia chương trình.

- Đối tượng thực hiện dự án là các hộ nghèo, hộ cận nghèo,...nên nhận thức về liên kết trong hoạt động sản xuất còn hạn chế, đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện dự án.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2025 THỰC HIỆN TDA1 - DA3

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

- Năm 2025 là cuối của giai đoạn 2021-2025 nên các cấp, các ngành rất quan tâm chỉ đạo quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu chung của Chương trình; các văn bản pháp lý để thực hiện các dự án, chính sách đã hoàn thiện, đầy đủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, đơn vị để quyết tâm giảm mạnh hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối giai đoạn.

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro do thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh gia súc gia cầm thường xuyên xảy ra; giá cả vật tư đầu vào biến động gây khó khăn cho dự án sản xuất nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển sản phẩm muối, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững; nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho cán bộ thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên một số mô hình giảm nghèo, xây dựng và phê duyệt trên 33 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỀU DỰ ÁN 1 – DỰ ÁN 3

1. Đối tượng thụ hưởng:

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Nội dung hoạt động, kết quả đầu ra:

- Xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nhiệm vụ, theo đề xuất của cộng đồng với các nội dung: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tổng số mô hình hoặc dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp 33 dự án, trong đó:

- Hỗ trợ cây giống: 02 dự án; 160 hộ thụ hưởng (10 hộ chính sách, 84 hộ nghèo, 32 hộ cận nghèo, 34 hộ mới thoát nghèo).

(1) Hỗ trợ con giống: Hỗ trợ giống bò cái lai sinh sản, lợn nái, trâu: 10 dự án; số hộ thụ hưởng: 120 hộ (63 hộ nghèo, 24 hộ cận nghèo, 33 hộ mới thoát nghèo).

(2) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: 10 dự án; số hộ thụ hưởng 100 hộ (53 hộ nghèo, 47 hộ cận nghèo).

(3) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: 05 dự án; số hộ tham gia liên kết 150 (83 hộ nghèo, 30 hộ cận nghèo, 37 hộ mới thoát nghèo).

(4) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: 05 dự án; số hộ thụ hưởng 80 (44 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo, 20 hộ mới thoát nghèo).

+ Xây dựng 01 dự án hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bảo đảm đủ dinh dưỡng tại thôn Môn, xã Trà Thanh, đã lựa chọn, lập danh sách 30 hộ có đủ điều kiện tham gia dự án.

+ Hỗ trợ 03 lớp tập huấn, gồm: 01 lớp kỹ thuật; 01 lớp dinh dưỡng; 01 lớp tổ hợp tác.

- Dự kiến số hộ thoát nghèo: 149 hộ.

3. Nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện kế hoạch năm 2025 là: 25.785 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 22.422 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 3.363 triệu đồng.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thực hiện các chính sách:

- Tiếp tục rà soát những khó khăn, vướng mắc để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách theo thẩm quyền.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lòng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lắp, lãng phí; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Các địa phương tổ chức triển khai đồng bộ và có hiệu quả các nội

dung, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án có liên quan; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để đảm bảo đủ điều kiện, sớm được phân bổ kế hoạch vốn nhằm đảm bảo đến cuối năm kế hoạch giá trị giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

2. Về hoạt động truyền thông, thông tin:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, , người dân và đối tượng có liên quan về các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao nhận thức và năng lực, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Về theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình:

- Thực hiện theo kế hoạch đối với công tác giám sát, đánh giá việc quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình; thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế tại hiện trường dự án và tại địa phương thực hiện để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện nghiêm, đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: đảm bảo thời gian, nội dung và các biểu mẫu quy định; số liệu báo cáo phải chính xác, trung thực.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Noi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, NNPTNT, LĐTB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin318}.



Trần Hoàng Tuấn

KẾT QUẢ SỬ DỤNG, GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN TẠI DA3 THUỘC CHIỀU NGHỆ TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

NĂM 2024 VÀ ĐẾ XUẤT NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh)

Kết quả bù lỗ, sử dụng giài ngân dự toán, kế hoạch vốn đến năm 2024																								
Kết quả thực hiện kế hoạch vốn năm 2024																								
Dự kiến nhu cầu vốn năm 2025																								
Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo			Kế hoạch, dự toán vốn CMTTQG giai đoạn 2021-2023																					
			Tổng cộng giai đoạn 2021-2023																					
Đại diện thành phần/ nội dung hoạt động			Đã giải ngân đến hết 31/01/2024			Đã làm thủ tục kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15; số 108/2023/QH15			Kết quả giải ngân vốn đã làm thủ tục kéo dài sang năm 2024 trong 6 tháng đầu năm 2024			Tổng cộng năm 2024 ngân 6 tháng đầu năm			Tổng nhu cầu									
			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó												
			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng												
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP									
Đại diện 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng																								
Tiêu chí 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			89.032	13.424	44.126	38.225	5.901	31.502	27.748	3.754	12.624	10.477	2.147	3.112	2.671	441	25.419	22.104	3.315	0	0	25.785	22.422	3.363